

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **42** /2009/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày **16** tháng **3** năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về kiểm tra, xử lý văn bản
quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2009.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, NC (5b). M **490**

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

QUY ĐỊNH

**Về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật
có nội dung thuộc bí mật nhà nước**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **42** /2009/QĐ-TTg
ngày 16 tháng 3 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về mục đích, phạm vi, nội dung, phương thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước bao gồm: văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành theo thẩm quyền; văn bản liên tịch giữa các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Quy định này áp dụng đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước.

Điều 2. Văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước

Văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước là văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan ban hành văn bản xác định có một trong các độ mật: Mật, Tối mật hoặc Tuyệt mật.

Điều 3. Mục đích kiểm tra văn bản

Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước nhằm:

1. Phát hiện những nội dung trái pháp luật hoặc không còn phù hợp của văn bản để kịp thời đình chỉ việc thi hành, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hoặc bãi bỏ văn bản; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

2. Xác định trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền trong tham mưu, xây dựng và ban hành văn bản có nội dung trái pháp luật, nâng cao chất lượng công tác soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước.

3. Góp phần tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng pháp luật

Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật và Quy định này.

Điều 5. Các văn bản kiểm tra

Các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước còn hiệu lực pháp luật được kiểm tra, xử lý theo Quy định này bao gồm:

1. Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ.
2. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân; quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
3. Thông tư liên tịch giữa các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.
4. Quyết định, chỉ thị, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ đã được ban hành theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2002.
5. Nghị quyết liên tịch, thông tư liên tịch giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ với cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội đã được ban hành theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2002.

Điều 6. Nội dung kiểm tra

Nội dung kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước là việc xem xét, đánh giá và kết luận về tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản về các điều kiện sau:

1. Được ban hành đúng căn cứ pháp lý.
2. Được ban hành đúng thẩm quyền.

3. Nội dung văn bản phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Văn bản được ban hành đúng thể thức và kỹ thuật trình bày.
5. Tuân thủ đầy đủ các quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản.
6. Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về xác định độ mật của văn bản.

Điều 7. Phương thức và thẩm quyền kiểm tra

1. Tự kiểm tra

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước do mình ban hành và liên tịch ban hành;

b) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tự kiểm tra văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước do mình ban hành.

2. Kiểm tra theo thẩm quyền

Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật nhà nước ở Trung ương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước quy định tại Điều 5 của Quy định này.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ NỘI DUNG THUỘC BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

Mục 1

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỰ KIỂM TRA

Điều 8. Tổ chức, thực hiện tự kiểm tra

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm giao cho tổ chức pháp chế của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Cơ quan chủ trì kiểm tra văn bản) chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước và các cơ quan, tổ chức khác liên quan tổ chức kiểm tra các văn bản đó.

2. Chỉ có những cán bộ có thẩm quyền (hoặc được ủy quyền) theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước mới được trực tiếp nghiên cứu, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước.

Điều 9. Xây dựng kế hoạch tự kiểm tra

1. Hàng năm, Thủ trưởng Cơ quan chủ trì kiểm tra văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng, trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt kế hoạch tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước của cơ quan mình.

2. Nội dung của kế hoạch tự kiểm tra gồm có:

- a) Những văn bản cần kiểm tra;
- b) Nội dung kiểm tra;
- c) Thời gian, địa điểm kiểm tra;
- d) Thành phần cán bộ thực hiện kiểm tra;
- đ) Các nội dung khác (nếu có).

Điều 10. Địa điểm tự kiểm tra

Việc tự kiểm tra được tiến hành tại cơ quan đã chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước.

Điều 11. Hồ sơ tự kiểm tra

1. Khi thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước phải lập hồ sơ kiểm tra.

Hồ sơ tự kiểm tra bao gồm:

- a) Kế hoạch tự kiểm tra;
- b) Biên bản tự kiểm tra;
- c) Các tài liệu có liên quan;
- d) Văn bản báo cáo kết quả tự kiểm tra.

2. Hồ sơ tự kiểm tra quy định tại khoản 1 Điều này được Cơ quan chủ trì kiểm tra văn bản bảo quản, lưu giữ theo chế độ tài liệu mật.

Điều 12. Tiến hành tự kiểm tra

- 1. Công bố kế hoạch tự kiểm tra.
- 2. Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản cung cấp văn bản để kiểm tra.

3. Trực tiếp nghiên cứu, kiểm tra văn bản theo các nội dung quy định tại Điều 6 của Quy định này.

4. Lập biên bản tự kiểm tra.

5. Hoàn chỉnh hồ sơ tự kiểm tra theo quy định tại Điều 11 của Quy định này.

6. Cơ quan chủ trì kiểm tra văn bản có trách nhiệm báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về kết quả tự kiểm tra bằng văn bản và những kiến nghị, đề xuất xử lý.

Điều 13. Xử lý văn bản trái pháp luật

1. Trường hợp văn bản được kiểm tra có dấu hiệu trái pháp luật thì cơ quan chủ trì kiểm tra văn bản báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bằng văn bản, kèm theo hồ sơ quy định tại Điều 11 của Quy định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tự mình bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật khác thay thế văn bản do mình ban hành đã kết luận là trái pháp luật.

3. Việc xử lý văn bản liên tịch có dấu hiệu trái pháp luật được tiến hành trên cơ sở thống nhất ý kiến của các cơ quan đã ký văn bản đó theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Thông báo kết quả xử lý văn bản trái pháp luật

Cơ quan chủ trì kiểm tra văn bản có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xử lý văn bản trái pháp luật quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 13 của Quy định này đến các cơ quan, tổ chức và người có thẩm quyền theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Mục 2

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KIỂM TRA THEO THẨM QUYỀN

Điều 15. Trường hợp kiểm tra theo thẩm quyền

1. Có quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc quyết định kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật nhà nước khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước có dấu hiệu trái pháp luật.

2. Có yêu cầu, kiến nghị, khiếu nại bằng văn bản của cơ quan, tổ chức, cá nhân về văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước có dấu hiệu trái pháp luật.

Điều 16. Yêu cầu tự kiểm tra, xử lý

1. Khi có quyết định hoặc yêu cầu, kiến nghị, khiếu nại về văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước có dấu hiệu trái pháp luật thuộc các trường hợp quy định tại Điều 15 của Quy định này, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật nhà nước có trách nhiệm yêu cầu cơ quan đã ban hành văn bản đó tự kiểm tra, xử lý.

2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan đã ban hành văn bản nói trên phải báo cáo kết quả tự kiểm tra, xử lý cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật nhà nước. Trường hợp hết thời hạn kể trên mà cơ quan này không xử lý hoặc đã xử lý nhưng cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật nhà nước không nhất trí với kết quả xử lý thì đề xuất hoặc quyết định thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra theo thẩm quyền.

Điều 17. Thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành

1. Thẩm quyền thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành

a) Bộ trưởng Bộ Công an quyết định thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành để tổ chức kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước được xác định độ Mật; báo cáo đề xuất Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành để tổ chức kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước được xác định độ Tối mật và Tuyệt mật tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này).

b) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành để tổ chức kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước được xác định độ Mật; báo cáo đề xuất Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành để tổ chức kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước được xác định độ Tối mật và Tuyệt mật tại Bộ Quốc phòng.

2. Thành phần Đoàn kiểm tra liên ngành

Thành phần Đoàn kiểm tra liên ngành gồm có:

a) Đại diện có thẩm quyền của Bộ Công an làm Trưởng đoàn (trường hợp tiến hành kiểm tra tại Bộ Quốc phòng thì đại diện có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng làm Trưởng đoàn);

b) Đại diện có thẩm quyền của Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và đại diện có thẩm quyền của các Bộ, cơ quan ngang Bộ có chức năng quản lý nhà nước liên quan đến nội dung của văn bản cần kiểm tra;

c) Đại diện của cơ quan chuyên trách về kiểm tra văn bản và cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật nhà nước của Bộ Công an.

3. Các quyết định thành lập Đoàn kiểm tra quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này được gửi đến cơ quan ban hành văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước được kiểm tra trong thời hạn ít nhất là 5 (năm) ngày làm việc trước khi Đoàn đến kiểm tra.

Điều 18. Địa điểm kiểm tra

Việc kiểm tra theo thẩm quyền được tiến hành tại cơ quan đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước.

Điều 19. Hồ sơ kiểm tra theo thẩm quyền

1. Khi thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền đối với văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước phải lập hồ sơ kiểm tra.

Hồ sơ kiểm tra theo thẩm quyền bao gồm:

- a) Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra;
- b) Biên bản kiểm tra;
- c) Văn bản báo cáo kết quả kiểm tra;
- d) Các tài liệu có liên quan (nếu có).

2. Hồ sơ kiểm tra theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này được Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật nhà nước ở Trung ương bảo quản, lưu giữ theo chế độ tài liệu mật.

Điều 20. Tiến hành kiểm tra

Việc kiểm tra văn bản theo thẩm quyền được tiến hành theo trình tự sau:

1. Trưởng đoàn kiểm tra thông báo Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra và yêu cầu về kiểm tra văn bản.

2. Đại diện có thẩm quyền của cơ quan ban hành văn bản được kiểm tra báo cáo về các nội dung theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra.

3. Đoàn kiểm tra trực tiếp nghiên cứu, thảo luận về văn bản được kiểm tra theo các nội dung quy định tại Điều 6 của Quy định này và nêu ý kiến với cơ quan ban hành văn bản.

Chỉ có những cán bộ có thẩm quyền (hoặc được ủy quyền) theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước mới được trực tiếp nghiên cứu, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước.

4. Lập biên bản về cuộc kiểm tra.

5. Hoàn chỉnh hồ sơ kiểm tra theo thẩm quyền theo quy định tại Điều 19 của Quy định này.

6. Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm báo cáo kết quả cuộc kiểm tra với người có thẩm quyền quyết định thành lập đoàn kiểm tra bằng văn bản.

Điều 21. Kiến nghị, xử lý văn bản trái pháp luật

1. Trường hợp kết luận văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước có dấu hiệu trái pháp luật, chậm nhất là sau 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm thông báo cho cơ quan đã ban hành văn bản đó để tự xử lý theo thẩm quyền.

2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Trưởng đoàn kiểm tra, cơ quan đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước đã được kết luận có dấu hiệu trái pháp luật phải tự xử lý văn bản đó và thông báo kết quả xử lý cho Đoàn kiểm tra bằng văn bản.

Việc xử lý Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải được tiến hành tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân.

3. Trường hợp hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này mà cơ quan đã ban hành văn bản có nội dung trái pháp luật không xử lý hoặc đã xử lý nhưng Đoàn kiểm tra không nhất trí với kết quả xử lý thì Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an (hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng), trình Thủ tướng Chính phủ tiến hành xử lý theo thẩm quyền.

Điều 22. Thông báo kết quả xử lý văn bản trái pháp luật

Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xử lý văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước trái pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 21 của Quy định này đến các cơ quan, tổ chức và người có thẩm quyền theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Thực hiện công tác tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước đã ban hành theo Quy định này.

2. Thực hiện các yêu cầu của Đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra văn bản tại cơ quan mình theo quy định tại Mục 2 Chương II của Quy định này.

3. Tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước có liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan mình khi có yêu cầu.

4. Định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Bộ Công an về công tác tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước do mình ban hành.

Điều 24. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Thực hiện quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 23 của Quy định này.

2. Giúp Thủ tướng Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước.

3. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan hướng dẫn thi hành Quy định này, tổ chức thực hiện việc kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo Quy định này.

4. Định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước.

Điều 25. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Thực hiện quy định tại Điều 23 của Quy định này.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ thực hiện việc kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước tại Bộ Quốc phòng theo Quy định này.

Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

1. Thực hiện quy định tại Điều 23 của Quy định này.

2. Phối hợp với Bộ Công an, các Bộ, cơ quan ngang Bộ khác liên quan tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành thực hiện việc kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo Quy định này.

Điều 27. Kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra văn bản

1. Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước do ngân sách nhà nước chi cho công tác thường xuyên của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bảo đảm.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp và Bộ Công an.



THỦ TƯỚNG
NGUYỄN TẤN DŨNG